TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HẢI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29/5/2018
(V/v Tranh chấp ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lưu Hải Đăng**
Các hội thẩm nhân dân:
1/. Ông Nguyễn Minh Hoàng
2/. Ông Nguyễn Hoàng Toàn
Thư ký phiên tòa: **Bà Thạch Thị Ngọc Bích** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa: Ông **Trần Đăng Khoa**, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 79/2018/TLST-HN ngày 16 tháng 3 năm 2018 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Anh Phạm Văn D, sinh năm 1962

Địa chỉ: ấp QT, xã ATA, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: Chị Đỗ Thị P, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp QT, xã ATA, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

(Anh D có mặt tại phiên tòa, Chị P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2018, lời khai trong quá trình tố tụng, cũng như lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Phạm Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Đỗ Thị P cưới nhau vào khoảng năm 1988, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa P. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT vào ngày 19/7/2007 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo anh D xác định: thời gian đầu chung sống với nhau thì vợ chồng anh chị sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây thì vợ chồng anh chị

phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc. Vợ chồng anh chị ly thân khoảng hơn 05 tháng qua. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng cũng không thể hàn gắn lại được nên anh D yêu cầu xin được ly hôn với vợ anh là chị Đỗ Thị P.

Về quan hệ con chung: anh D xác định thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 02 người con chung tên Phạm Quý S, sinh năm 1989 và Phạm Quốc V, sinh năm 1990. Hiện nay các con đã trưởng thành, có khả năng tự lo lắng chăm sóc cho bản thân, khi ly hôn anh không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét về nghĩa vụ nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh D xác định xác định vợ chồng anh chị tự thỏa thuận, khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với chị Đỗ Thị P: Mặc dù chị P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị P vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án, và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với chị P theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay anh D xác định anh vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị P. Anh D xác định anh không còn các tài liệu, chứng cứ gì để cung cấp thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chị Đỗ Thị P chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: giữa anh D và chị P kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng do thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, hiện tại anh D xác định anh không còn tình cảm với chị P. Điều này chứng tỏ như vậy cuộc sống vợ chồng của anh D và chị P nếu tiếp tục kéo dài thì cũng không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh D được ly hôn với chị P là phù hợp với quy định của pháp luật;

Về con chung: 02 người con chung của anh D và chị P tên Phạm Quý S, sinh năm 1989 và Phạm Quốc V, sinh năm 1990. Hiện nay các con đã trưởng thành, có khả năng tự lo lắng chăm sóc cho bản thân, khi ly hôn anh D và chị P không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét về nghĩa vụ nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản và nợ: Anh D xác định xác định vợ chồng anh chị tự thỏa thuận, khi ly hôn anh không yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí thì anh D phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh D có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với chị P. Chị P có địa chỉ cư trú tại huyện Đông Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đông Hải.

Chị P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng chị P vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị P.

[2] Về nội dung vụ án: giữa anh D và chị P kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân xã AT cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 19/7/2007 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của anh D đối với chị P thì Hội đồng xét xử thấy rằng: mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng thời gian chung sống anh D và chị P lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mẫu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Anh chị cũng đã ly thân khoảng hơn 05 tháng qua. Trong thời gian qua cả hai anh chị đều không có biện pháp cụ thể nào để thể hiện anh chị muốn hàn gắn lại với nhau, anh chị không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Tại phiên tòa anh D vẫn cương quyết xin ly hôn với chị P, anh xác định hiện tại anh không còn tình cảm gì với chị P, nếu vợ chồng quay về với nhau thì cuộc sống chung cũng không còn hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm của vợ chồng phải được xuất phát từ hai phía, nhưng phía anh D xác định hiện tại anh đã không còn tình cảm gì với chị P, như vậy chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của anh D và chị P là không thể hàn gắn lại được, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân của không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D đối với chị P là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nuôi con chung: 02 người con chung của anh D và chị P tên Phạm Quý S, sinh năm 1989 và Phạm Quốc V, sinh năm 1990. Hiện nay các con đã trưởng thành, có khả năng tự lo lắng chăm sóc cho bản thân, khi ly hôn anh D và chị P không đặt ra

yêu cầu Tòa án xem xét về nghĩa vụ nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản và nợ: Anh D xác định xác định vợ chồng anh chị tự thỏa thuận, khi ly hôn anh không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn D; Xử cho anh Phạm Văn D được ly hôn với chị Đỗ Thị P.

2/.Về nuôi con chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí: anh Phạm Văn D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011020 ngày 16/3/2018 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho anh Phạm Văn D biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Chị Đỗ Thị P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký

Lưu Hải Đăng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BL
- VKSND huyện ĐH
- THA huyện ĐH
- Ủy ban nhân dân xã ATA
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;